

Số: 01/2022/QĐST-KDTM

Sầm Sơn, ngày 28 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20/01/2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 15/2021/TLST-KDTM ngày 17/11/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: 02 L, Phường T, Quận B, TP. Hà Nội.

* Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc.

* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái Tr – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh B.

* Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Trương Văn Đ – Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh B.

Địa chỉ: Số 39 H, Phường T, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Ông Viên Đình S – SN 1969;

Địa chỉ: Khu phố T, Phường Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lường Thị N – SN 1971;

Địa chỉ: Khu phố T, Phường Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về nợ: Tính đến ngày 20/01/2022 ông Viên Đình S còn nợ lại của Ngân

hàng N tổng số tiền của cả ba hợp đồng tín dụng (HĐ tín dụng số 3590-LAV-201500945 ngày 06/6/2015; HĐ tín dụng số 3590-LAV-201801669 ngày 06/6/2018; HĐ tín dụng số 3590-LAV-202001760 ngày 28/5/2020) là: 8.335.717.508 đồng (*Tám tỷ ba trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm mười bảy nghìn năm trăm linh tám đồng*) trong đó (Nợ gốc là: 6.912.500.000 đồng; Nợ lãi là: 1.423.217.508 đồng)

Ông Viên Đình S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền trên theo thời gian hai bên thống nhất như sau:

Mỗi năm từ năm 2022 đến 2025 ông S phải thanh toán cho phía Ngân hàng số tiền là 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*)/năm. Số tiền thanh toán hàng năm được chia thành thời gian trả nợ như sau:

Bắt đầu từ ngày 28/02/2022 mỗi tháng ông S trả tối thiểu số tiền là 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*). Số tiền trả hàng tháng ông S phải thanh toán cho Ngân hàng trước ngày 25 hàng tháng.

Kể từ ngày 28/02/2022 đến ngày 30/6/2022 ông S phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày 30/6/2022 đến ngày 31/12/2022 ông S phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày 01/01 đến ngày 30/6 của các năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2025) ông S phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày 30/6 đến ngày 31/12 của các năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2025) ông S phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Số tiền nợ còn lại ông S sẽ thanh toán hết cho phía ngân hàng vào ngày 25/5/2026. Ngoài ra ông S còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 21/01/2022 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo 03 hợp đồng tín dụng (HĐ tín dụng số 3590-LAV-201500945 ngày 06/6/2015; HĐ tín dụng số 3590-LAV-201801669 ngày 06/6/2018; HĐ tín dụng số 3590-LAV-202001760 ngày 28/5/2020).

2. Hằng năm chậm nhất vào ngày 05 tháng 9. Ông Viên Đình S phải chấp hành việc mua bảo hiểm thân vỏ cho tàu cá TH-92929-TS theo đúng quy định.

3. Về xử lý tài sản bảo đảm: Nếu ông Viên Đình S vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo cam kết trả nợ trên, kể cả nghĩa vụ mua bảo hiểm thân vỏ tàu thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm cho các khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ

là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 140, tờ bản đồ số 12 có địa chỉ tại khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AM: 332374. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02068 do UBND thị xã S cấp ngày 22/10/2009; Kèm trang bổ sung cấp ngày 03/05/2017 mang tên ông Viên Đình S, bà Lương Thị N. Theo hợp đồng thế chấp số 3590/283/04/2017 ký kết ngày 09/06/2017 và phụ lục kèm theo.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 140b; tờ bản đồ số 12 có địa chỉ tại Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BB 290448, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00191 QĐ: 1094/ QĐ – UBND do Ủy ban nhân dân thị xã S cấp ngày 11/08/2010 mang tên ông Viên Đình S, bà Lương Thị N. Theo Hợp đồng thế chấp số 172030271/HĐTC ký ngày 23/04/2015 và phụ lục kèm theo

+ Tàu cá vỏ gỗ số hiệu TH-92929-TS theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số: 072/16 (số đăng ký TH – 92929 –TS) do Chi cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi thủy sản Thanh Hóa cấp ngày 21/3/2016 mang tên ông Viên Đình S, chi tiết theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 172030271/HĐTC – TSHTTTTL ngày 01/6/2015 và phụ lục kèm.

Về án phí: Ông Viên Đình S có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, được UBND phường Q xác nhận, căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về Án phí, lệ phí Tòa án giảm 50 % tiền án phí cho ông S. Ông Viên Đình S phải nộp 29.084.000đ (*hai mươi chín triệu không trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch. Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 24.456.000đ (*hai mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0013144 ngày 16/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố S, Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng